

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 81****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang tám mươi lăm, dòng thứ hai từ dưới đếm lên, xem từ chữ Kinh.

“*Kinh giả, Phạn ngữ Tu Đa La. Trục dịch vi Tuyên, ý dịch vi Khế Kinh. Khế giả, nhất giả khế Lý. Lý giả, Thật Tế lý thể dã. Nhị giả khế Cơ, Cơ giả, cơ nghi, chúng sinh căn cơ dã, kiêm chỉ thời cơ, thời tiết nhân duyên dã. Cố khế Cơ giả, thiết hợp chúng sanh thủy bình dữ thời đại dã*” (Kinh: Tiếng Phạn là Tu Đa La, dịch sát nghĩa là Tuyên (sợi dây), dịch ý là Khế Kinh. Khế: Một là Khế Lý, Lý là Thật Tế lý thể. Hai là khế Cơ, Cơ là cơ nghi, tức căn cơ của chúng sanh, đồng thời có nghĩa là thời cơ, thời tiết nhân duyên. Do vậy, Khế Cơ là phù hợp trình độ của chúng sanh và thời đại). Chúng ta đọc tới chỗ này. Kinh là những lý luận và phương pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật thuở tại thế đã dùng để giáo hóa hết thảy chúng sanh, nhưng thuở ấy Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng viết thành tài liệu giảng dạy. Vào thời cổ, dường như đều giống như vậy. Như tại Trung Quốc, Không Tử chỉ dùng ngôn ngữ để dạy dỗ, không có sách giáo khoa, ngay cả đại cương cũng chẳng có. Nhìn từ chỗ này, suốt bốn mươi chín năm, đức Phật giảng kinh, dạy học mỗi ngày chẳng gián đoạn, sau khi Ngài viên tịch, các học trò dựa trên ký ức, dùng văn tự ghi chép lời thầy đã dạy, lưu truyền hậu thế; đây là cội nguồn của kinh điển Phật giáo. Kinh điển là những lời “giảng nghĩa” trong lúc Phật giáo học thuở ấy, nay chúng tôi dùng chữ “giảng nghĩa” cho mọi người dễ hiểu! Phân lượng [kinh điển nhà Phật] vô cùng to lớn, công tác kết tập gian truân do tôn giả A Nan phức giảng (nhắc lại lời giảng). Trong các đệ tử, cũng như trong số các đồng học, ngài A Nan có trí nhớ tốt nhất. Sở trường đặc biệt của Ngài là trí nhớ mạnh mẽ, gần như nghe qua một lần sẽ vĩnh viễn chẳng quên mất. Ngài có năng lực ấy, sức lý giải rất mạnh. Vì thế, mọi người cùng đề cử Ngài phức giảng, [tức là] nhắc lại những gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong thuở ấy. Có năm trăm vị đồng học, các đồng học đều chứng quả A La Hán. Các vị A La Hán và Bồ Tát ngồi ở dưới nghe, chứng minh lời Ngài nói chẳng sai! Nếu có một vị nào bảo: “A Nan! Hình như đức Phật chẳng nói câu này”, câu ấy phải gạt bỏ, chẳng thể lưu thông. Nghiêm ngặt như vậy chủ yếu nhằm mục đích giữ chữ Tín với đời sau, chẳng phải là đa số thông qua, hề có một người có ý kiến sẽ không thể ghi lại [câu nói ấy]. Vì thế, kinh điển được thẩm tra nghiêm ngặt; nói cách khác, những câu nói [được chép trong kinh Phật] đều do chính miệng Thích Ca Mâu Ni Phật thốt ra. Đó là nguồn gốc của kinh điển vậy!

Chữ “*Kinh*” là chữ Hán, chúng ta dùng chữ này để dịch chữ Ấn Độ. Tiếng Ấn Độ [gọi Kinh] là Tu Đa La (Sūtra), Tu Đa La vốn có nghĩa là Tuyên (sợi dây). Vì sao? Do trước đây, vào thời kỳ đầu, chép kinh trên lá cây, tức lá cây Bối-đa-la. Đương nhiên thuở ấy vẫn chưa có giấy, nên dùng lá cây Bối-đa-la. Lá cây ấy rất bền, có thể giữ rất nhiều năm chẳng bị hư hoại. Lá cây được cắt thành từng miếng, cắt thành miếng dài, hai bên đục lỗ. Mỗi bên

đục một lỗ, dùng dây khâu qua [để buộc lại cho khỏi lạc mất]. [Các miếng lá] đã xỏ dây được gọi là một quyển sách, khi dịch [sát nghĩa chữ Sūtra] thì dịch theo cách như vậy. Quý vị đến Cô Cung sẽ có thể thấy hình dạng nguyên thủy của kinh lá Bối. Nếu dịch nghĩa thì nên dùng ý nghĩa của chữ Kinh trong tiếng Hán để dịch sẽ rất hay. Bởi lẽ, những giáo huấn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc lưu lại, chúng ta đều gọi là Kinh. Do giáo huấn của đức Phật cũng vô cùng quý báu, dùng chữ Kinh này để phiên dịch là hay nhất.

Trước chữ Kinh, thêm chữ Khế (契). Khế là Khế Lý. Lý là Thật Tế lý thể, Lý là gì? Lý là chân tướng sự thật. Nói theo cách bây giờ, Thật Tế lý thể là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, mọi người dễ hiểu điều này. Do vậy, kinh nhất định giảng chân tướng sự thật, chẳng phải là nói mò, chẳng phải là nói tùy tiện. Đây là chân tướng sự thật thứ nhất.

Thứ hai là phải Khế Cơ, tức là thích hợp trình độ của chúng sanh. Quý vị giảng quá sâu, họ nghe sẽ không hiểu. Quý vị giảng quá cạn, họ sẽ chẳng hứng thú! Nhất định phải thích hợp! Lại còn phải thích hợp thời đại. Vì thế, kinh điển sống động. Kinh Phật do đức Phật nói. Quý vị thấy, mỗi triều đại đều chú giải kinh điển rất nhiều. Chú giải là gì? Chú giải nhằm khế cơ. Trong mỗi triều đại, trong mỗi xã hội và dân tộc khác nhau, họ cần những gì, dùng phương pháp gì để giảng [cho thích hợp], đó là sống động. Lời Phật giảng là nguyên lý, nguyên tắc, các vị tổ sư đại đức giảng giải, tức là đã giảng theo kiểu hiện đại hóa, người hiện thời đều có thể thụ dụng, đó là Khế Cơ.

[Kinh Phật] ắt phải phù hợp hai điều kiện ấy. Nếu nói khế cơ chẳng khế lý, đó là ma thuyết, chẳng do Phật thuyết. Rất thích hợp với người nghe, người ta rất thích nghe, nhưng chẳng phù hợp Lý, chẳng phải là chân tướng sự thật, đây là tà thuyết. Nếu khế lý chẳng khế cơ, sẽ là lời lẽ vô ích. Lý hay lắm, nhưng người ta nghe chẳng hiểu, nghe xong chẳng vận dụng được! Vì vậy, ắt phải phù hợp hai điều kiện ấy thì mới gọi là “*kinh điển*”. Đây là cách thông thường để giới thiệu những ý nghĩa được bao hàm trong chữ Kinh, trên thực tế, còn có rất nhiều ý nghĩa mà các đồng học học Phật chúng ta chớ nên không biết. Không biết, tức là quý vị chưa phải là kẻ thông hiểu!

“*Kim vị tinh văn, lược khứ Khế tự*” (nay vì nói gọn, lược bỏ chữ Khế), người Trung Quốc chuộng đơn giản, tuyệt đối chẳng thích rườm rà, không giống người Ấn Độ. Người Ấn Độ ưa rườm rà, càng nói chi tiết càng hay! Người Trung Quốc yêu cầu như thế nào? Nói tới trọng tâm rồi thôi, chẳng dây cà dây muống. Người Trung Quốc là như vậy đó. Vì thế, ngôn ngữ và văn tự Trung Quốc thời cổ đòi hỏi phải đạt tiêu chuẩn gồm bốn chữ là “*giản, yếu, tường, minh*”, tức là đơn giản, tóm tắt, nhưng vẫn phải cặn kẽ, vẫn phải rõ ràng. Ấn nói như vậy mới là ăn nói giỏi, văn chương như thế mới là văn chương hay. Nhưng người Ấn Độ lại khác, quả thật chẳng ngại phiền. Người Hoa nói gì chẳng lặp đi lặp lại, văn chương nhắc đi nhắc lại sẽ gọi “trùng lặp”, chẳng phải là văn chương hay! Nhưng kinh Phật chẳng vậy, kinh Phật là nhắc đi nhắc lại. Lặp đi lặp lại cũng có lợi, đối với kẻ trung hạ căn sẽ rất hữu ích. “*Giản, yếu, tường, minh*” thật sự chỉ hữu ích cho người thượng thượng căn, kẻ trung hạ căn nghe một lần chưa hiểu, nhưng không được nghe lần nữa! Không giống như kinh Phật, quý vị nghe một lần không hiểu, chẳng sao! Phía sau còn nhắc lại nhiều lượt, quý vị cứ thông thả mà học, nói chung rồi sẽ nghe hiểu! Đây là Phật từ bi, từ bi hơn Khổng lão phu tử rất nhiều! Khổng Tử và Mạnh Tử chẳng từ bi như Phật, mà đòi

hỏi rất cao, cho nên [sách Nho mới chép]: “*Cử nhất ngưng, bất dĩ tam ngưng phản*” (nêu lên một góc, chẳng suy ra được ba góc kia), Khổng lão phu tử chẳng dạy quý vị, [chê bai]: “Nhà người quá đàn độn!” Giống như căn nhà này, tôi bảo quý vị góc này vuông vức đúng chín mươi độ, quý vị phải nghĩ là ba góc kia cũng giống như thế. Nếu quý vị chẳng nghĩ ra, phải dạy quý vị từng thứ một thì Khổng lão phu tử chẳng dạy quý vị, “*gã này đàn quá!*” Nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật rất từ bi, Ngài sẽ dạy quý vị: “Góc này chín mươi độ, nhìn sang góc kia, góc kia cũng là chín mươi độ”, Ngài chẳng nề hà phiền phức. Từ chỗ này, ta thấy được lòng từ bi của đức Phật. Vì vậy, nói thật thà, học Phật dễ hơn học Nho. Vì thế, Phật giáo truyền sang Trung Quốc, Phật giáo là giáo dục, giáo dục Phật giáo thịnh vượng hơn giáo dục Nho gia. Vì sao? Thuận tiện, hòa đồng, ba căn thượng trung hạ, thượng thượng căn, hạ hạ căn Phật đều dạy. Khổng lão phu tử dạy học thì [học trò] phải là trung thượng căn trở lên. Thấp hơn trung thượng căn, phu tử sẽ chẳng muốn dạy, “rõ ràng là người quá đàn độn!” Đây là một nhân tố khiến cho nền giáo dục Phật giáo có thể phổ biến, phổ cập toàn dân tại Trung Quốc, tỏ rõ tấm lòng yêu thương của đức Phật.

Chữ Kinh này có bốn ý nghĩa, thông thường, hễ giảng kinh, nhất định phải giới thiệu. Kinh có bốn ý nghĩa là “*quán, nhiếp, thường, pháp*”:

1) Quán (觀) là “*quán xuyên sở thuyết chi lý*” (thông suốt, xuyên suốt Lý đã được nói). Nói theo cách bây giờ là phù hợp lý luận, thật sự là một môn học thuật cao sâu, người hiện thời gọi là “*la-tập*” (Logic, luận lý học) giảng về biện chứng pháp (Dialectics)¹, nói theo danh từ Phật pháp là Nhân Minh (Hetuvidyā). Vì thế, trong Phật pháp có khoa Nhân Minh Học. Nhân Minh Học nay được gọi là La Tập, hoặc Biện Chứng Pháp. “*Quán*” là có phương pháp tuân theo Luận Lý Học, vì thế, giảng hết sức mạch lạc, có trật tự; người Trung Quốc gọi điều đó là “*hữu điều bất紊*” (有條不紊: sắp xếp mạch lạc, hợp phương pháp, chẳng rối loạn), quý vị nghe rất dễ hiểu, rất minh bạch.

2) Ý nghĩa thứ hai là Nhiếp (攝), “*Nhiếp tắc nhiếp trì sở hóa chi sanh (chúng sanh)*” (Nhiếp là thu giữ những chúng sanh được giáo hóa). Đây là Nhiếp Trì. Trì là gìn giữ, [tức là] gìn giữ những chúng sanh đã được giáo hóa. Nếu dùng bốn chữ tiêu chuẩn này để nhận định thì văn chương Trung Quốc chỉ đạt được điều thứ nhất là Quán, thực hiện được chữ ấy! Tất cả văn chương đạt được điều ấy, còn ba chữ sau đó chưa chắc đã đạt được! “*Nhiếp*” là nhiếp thọ hết thảy chúng sanh, cũng là giống như nó có sức hấp dẫn, sức thu hút. Sau khi tiếp nhận, quý vị rất ưa thích, muốn bỏ mà chẳng thể bỏ được. Điều này chẳng đơn giản. Vì thế, kinh Phật khiến cho quý vị đọc một lần, vẫn muốn đọc lần thứ hai, lần thứ ba, càng đọc, càng ưa thích, sức nhiếp thọ của kinh có thể chiếm lĩnh tâm hồn người đọc; điển tịch của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc có sức mạnh này. Chẳng hạn như Tứ Thư, Ngũ Kinh có năng lực này. Quý vị thuở bé đọc Tứ Thư, đến lúc bảy tám mươi tuổi, đọc Tứ Thư vẫn hứng thú tràn trề, chúng có sức mạnh ấy! Quý vị đọc tiểu thuyết, sau khi đọc một hai lượt, chẳng muốn đọc lần thứ ba. Tiểu thuyết dù hay cách mấy, thuở bé, tôi

1 Biện Chứng Pháp: Cách lý luận nhằm giải quyết những quan điểm khác nhau về cùng một vấn đề, áp dụng những lý luận, giải thích hợp lý.

thích coi, ưa chuộng nhất bốn bộ tiểu thuyết Trung Quốc là Tam Quốc, Thủy Hử, Tây Du Ký, và Hồng Lô Mộng, [mỗi bộ] đại khái tôi đọc tới mười lần, nhưng sau khi đọc mười lần, suốt đời này, chẳng muốn đọc lại nữa! Nói cách khác, sức nhiếp thọ của chúng chỉ lớn chừng đó, sau khi xem mười lượt sẽ chẳng muốn đọc nữa! Chẳng giống như kinh Phật, quý vị đọc kinh Phật một vạn biến cũng chẳng chán, càng đọc càng ưa thích, sức nhiếp thọ to lớn.

3) Chữ thứ ba là Thường (常). “*Thường tắc cổ kim bất dịch*” (Thường là xưa nay chẳng thay đổi). Người hiện thời gọi [điều này] là Chân Lý. Những điều kinh Phật giảng chính là chân lý, chân lý vĩnh hằng chẳng thay đổi. Những điều đức Phật giảng từ ba ngàn năm trước là chính xác, tới nay, ba ngàn năm sau vẫn chính xác. Tại Ấn Độ, dạy người Ấn Độ chính xác, truyền sang Trung Quốc, dạy người Trung Quốc vẫn chính xác! Cũng có nghĩa là những lý luận và phương pháp của đức Phật siêu việt thời gian và không gian, nên gọi là Thường. Điều này hết sức khó đạt được!

4) Điều cuối cùng là Pháp (法), “*Pháp tắc cận viễn đồng tuân*” (pháp là xa gần cùng tuân thủ). Người thời cổ và người hiện tại đều phải tuân những phương pháp đã được dạy trong kinh điển.

Có thể phù hợp bốn điều kiện ấy mới gọi là Kinh. Văn chương của phạm nhân sáng tác chẳng thể trọn đủ bốn điều kiện này, nên chẳng thể gọi là Kinh. Trọn đủ bốn điều kiện này mới có thể gọi là Kinh. Như Tứ Thư của Trung Quốc có thể gọi là Kinh, vì quả thật Tứ Thư có “*quán, nhiếp, thường, pháp*”, phù hợp bốn điều kiện ấy. Nói tới Ngũ Kinh thì phần lớn là có [bốn điều kiện ấy]. Trong thời đại hiện tại, có thể dùng tinh thần, chứ không thể dùng phương pháp [được nói trong Ngũ Kinh], vì phương pháp phù hợp thời đại đó, [chẳng phù hợp thời đại này], chẳng giống như kinh Phật. Những điều được giảng trong kinh Phật là sống động. “*Thượng thuật tứ tự, khả tận Kinh tự chi nghĩa*” (bốn chữ vừa nói trên đây, có thể gồm trọn hết những ý nghĩa của chữ Kinh). Thông thường để giải thích chữ Kinh, luôn dùng bốn chữ “*quán, nhiếp, thường, pháp*” này!

“*Hựu Phật sở thuyết giả, thông danh vi Kinh*” (lại nữa, những điều do đức Phật nói đều gọi chung là Kinh), những gì do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, “*có đề trung Kinh chi nhất tự thị Thông Danh*” (nên một chữ Kinh trong tựa đề là tên chung). Phạm những gì do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng đều gọi là Kinh; vì thế, Kinh là Thông Danh (tên chung). Tất cả hết thảy những giáo huấn của thánh hiền cũng gọi là Kinh, nhưng Kinh [của thánh hiền] chưa chắc đã có hội đủ ý nghĩa gồm trong bốn chữ “*quán, nhiếp, thường, pháp*”. Tuy đều là Kinh, nhưng có rất nhiều thứ chẳng phù hợp định nghĩa “*quán, nhiếp, thường, pháp*” này. Đây chính là chỗ vượt trội của kinh Phật so với các thứ kinh điển khác! Những câu này nhằm giới thiệu Kinh danh xưng chung.

Tiếp đó, sách Chú Giải viết: “*Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác*”, mười bốn chữ ấy, “*thị bốn kinh độc cụ chi biệt danh*” (là tên riêng chỉ mình kinh này có). Đề do đức Phật nói, nhưng không giống những kinh khác [thì danh xưng ấy] được gọi là Biệt Danh. Như vậy đề mục kinh này gồm mười bốn chữ

bao gồm Thông Đề (Thông Danh) và Biệt Đề (Biệt Danh). Mười bốn chữ đầu là Biệt Đề, một chữ Kinh sau đó là Thông Đề.

“*Chư kinh lập danh, bất ly nhân, pháp, dụ. Hoặc đơn, hoặc phức, khả đắc thất loại: Đơn nhất giả tam, cụ nhị giả tam, cụ túc giả nhất, cộng thành thất loại*” (Đặt tên các kinh, chẳng ngoài nhân, pháp, dụ, có thể là đơn hoặc phức, chia thành bảy loại: Đơn danh, tức chỉ một thứ, gồm ba loại, gồm hai thứ có ba loại, có đủ ba thứ chỉ có một loại, cộng thành bảy loại). Đây là nói đến việc đặt tên kinh Phật có quy củ, chẳng phải là nói tùy tiện. Vì thế, người thông hiểu vừa nhìn vào [đề mục kinh, đã biết] kinh này là thật hay là ngụy tạo. Những kinh ngụy tạo có đề mục chẳng phù hợp nguyên tắc này. Chẳng phù hợp nguyên tắc này, sẽ chẳng phải là kinh Phật chân chánh. Kinh Phật chân chánh nhất định phải phù hợp nguyên tắc này, tức bảy tiêu chuẩn. Nói tóm lại, bảy tiêu chuẩn chẳng ngoài “*nhân, pháp, tỷ dụ*”, trong đề mục nhất định lấy những điều ấy làm nguyên tắc.

“*Đơn nhân*”, là chỉ dùng người (nhân) làm đề mục, “*A Di Đà Kinh, A Di Đà thị nhân*” (kinh A Di Đà, A Di Đà là người), A Di Đà là Biệt Đề, Kinh là Thông Đề, trong tựa đề kinh ấy chỉ có Nhân, không có Pháp, không có tỷ dụ.

“*Đơn pháp, Đại Bát Nhã Kinh, Bát Nhã thị Pháp*” (Đơn pháp là như kinh Đại Bát Nhã, Bát Nhã là Pháp), không có Nhân, không có Dụ, tức là không có tỷ dụ.

“*Đơn dụ, Phạm Võng kinh*” (chỉ có Dụ là như kinh Phạm Võng), Phạm Võng (Brahmajala) là cái lưới của Đại Phạm Thiên. Dùng cái lưới của Đại Phạm Thiên để sánh ví. Vì thế, Phạm Võng là tỷ dụ, không có Nhân, mà cũng chẳng có Pháp.

Ba loại ấy được gọi là “*đơn tam đề*” (ba loại đề mục kinh chỉ dùng một thứ để đặt tên).

“*Phức nhị đề*” cũng có ba loại; trong ấy có:

- Nhân Pháp, tức là trong đề mục có người và pháp, như Văn Thù Văn Bát Nhã Kinh. Văn Thù là Nhân, Bát Nhã là Pháp, trong ấy chẳng có tỷ dụ.

- Dùng Pháp và Dụ để đặt tên như Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Diệu Pháp là Pháp, Liên Hoa là tỷ dụ, trong ấy chẳng có Nhân.

- Dùng Nhân và Dụ để đặt tên kinh như Bồ Tát Anh Lạc Kinh, Bồ Tát là Nhân, Anh Lạc là tỷ dụ, trong ấy chẳng có Pháp.

Ba thứ này gọi là “*phức tam chủng lập đề*”.

Nhân, pháp, dụ thấy đều có đủ, cả ba thứ ấy đều có, đầy đủ nhân, pháp, dụ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, đề kinh có đủ cả ba thứ ấy. Phật là Nhân, Đại Phương Quảng là Pháp, Hoa Nghiêm là tỷ dụ (Dụ). Do vậy, Nhân, Pháp, Dụ đều có.

Đây là bảy nguyên tắc để đặt tựa đề cho kinh Phật. Nếu chẳng tương ứng [với bảy nguyên tắc ấy], nhất định chẳng phải là kinh Phật. Nếu bảo nó là kinh Phật thì đó là giả, chẳng thật! Kinh Phật thật sự sẽ chẳng trái phạm quy củ này.

“*Kim bốn kinh đề diệc cụ túc Nhân, Pháp, Duyên*” (nay tựa đề kinh này cũng trọn đủ Nhân, Pháp, Duyên). Hạ lão cư sĩ hội tập kinh này, đặt tựa đề trọn đủ Nhân, Pháp, Duyên. “*Đề trung Phật tự biểu thử độ quả nhân*” (chữ Phật trong tựa đề biểu thị người đã chứng quả trong cõi này): “*Phật*” là Thích Ca Mâu Ni Phật, tức là vị đã chứng quả trong cõi này. “*Quả nhân*” là người đã chứng Phật quả, là Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta học Phật nhất định phải biết, bất luận ở chỗ nào cũng phải nói rõ ràng với người khác, nếu người ta hỏi đến Phật thì Phật là giáo dục. Chúng ta tiếp nhận sự giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật, nói rõ Phật chẳng phải là tôn giáo, chẳng liên quan gì đến tôn giáo! Kể từ khi tôi được tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu tiếp xúc Phật giáo, tôi học theo sự giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng theo tôn giáo. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch điều này. Hiệp hội của chúng ta là hiệp hội giáo dục của đức Phật, chớ nên mơ hồ, khiến cho người khác nảy sanh hiểu lầm!

Phật, Bồ Tát, A La Hán là những danh xưng học vị trong nền giáo dục của đức Phật, mà cũng là những danh xưng chung. Phật là học vị tối cao, Bồ Tát là học vị thứ hai, A La Hán là học vị thứ ba, có cùng một ý nghĩa với [các học vị] tiến sĩ, thạc sĩ, học sĩ như trong nhà trường hiện thời. Thích Ca Mâu Ni Phật tu học đã đạt tới tầng lớp cao nhất, nên gọi Ngài là Phật Đà. Còn những vị như Văn Thù, Phổ Hiền được nhắc đến trong kinh sách, tuy chưa đạt tới tối cao, nhưng tu cũng rất khá, thuộc vào học vị Bồ Tát. Lại còn có Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên là A La Hán, thuộc học vị thứ ba. [Gọi Phật, Bồ Tát, A La Hán là nói tới] danh xưng học vị, các Ngài chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là tiên, các Ngài là người. Phải hiểu rõ ràng, minh bạch thì chúng ta mới thật sự học được thứ này thứ nọ trong Phật pháp có lợi ích cho chúng ta.

Lợi ích phổ biến nhất là thân tâm khỏe mạnh, quý vị có muốn hay không? Quý vị học Phật, khẳng định phải đạt được điều đầu tiên này! Nhà Phật nói “*trường sanh bất lão*” là thật, chẳng phải là mê tín, đáng tiếc là chúng ta công phu chẳng tới mức, phải nâng công phu lên cao hơn, nâng cao tới cảnh giới nào? Nâng cao tới A La Hán là được rồi, A La Hán trường sanh bất lão. Nay chúng tôi chỉ mới dính dáng một chút bên ngoài, hưởng nhờ một tí bên bề ngoài, hết thấy mọi người quý vị thấy tôi tuổi tác không ngừng tăng lên, nhưng cũng chẳng suy lão, thật đấy, chẳng giả! Năm 1999, tôi giảng kinh tại Tân Gia Ba, có một vị cư sĩ là nữ tu Thiên Chúa Giáo tại Tân Gia Ba, đến gặp tôi, muốn quy y Phật môn. Bà ta hỏi: “Tôi có đủ điều kiện để quy y hay không?” Tôi nói: “Chẳng có vấn đề gì, bà hội đủ điều kiện”. Tôi quy y cho bà ta, năm ấy, bà ta đã một trăm lẻ một tuổi, được gọi là “*người thanh niên một trăm lẻ một tuổi*”. Bà làm công tác thiện nguyện chăm sóc người già. Người già đều là bảy, tám chục tuổi! Bà ta phục vụ, chăm sóc họ mỗi ngày, chăm nom hai mươi mấy người già, rất khó có! Hiện thời, thân thể bà ta vẫn vô cùng khỏe mạnh. Mấy hôm trước, tôi nghe nói bà ta muốn sang một viện dưỡng lão ở Tân Cương phục vụ nửa năm. Năm 1999, bà ta đã một trăm lẻ một tuổi, năm nay là năm 2010, bà ta phải là một trăm mười một tuổi, không phải vậy, năm 1999, bà ta đã một trăm lẻ một tuổi, năm nay là một trăm mười hai tuổi. Một trăm mười hai tuổi vẫn làm công tác thiện nguyện, vẫn chăm

sóc người già sáu, bảy chục tuổi, bà ta chẳng già, vẫn nói mình là thanh niên! Đầu tiên là thân tâm khỏe mạnh, quý vị chẳng có phiền não, mà có trí huệ, phiền não nhẹ đi, trí huệ tăng trưởng. Gia đình quý vị hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, nơi quý vị sống hòa thuận, chẳng có gì không tốt đẹp! Đây là lợi ích hiện tiền của Phật pháp. Một người tu hành như vậy ở nơi ấy, các nhà Lương Tử Học cho biết: Người ấy ở khu vực nào, trong vùng phụ cận, tỷ lệ phạm tội chắc chắn rất ít, do nguyên nhân nào? Từ trường tốt đẹp! Một đạo tràng thành lập ở đây, người thật sự học tập rất nhiều, tỷ lệ phạm tội trong khu vực này sẽ giảm bớt với một mức độ to lớn, đó là sự thật. Vì vậy, chúng ta nói tới Phật, Pháp, Tăng, nói chung phải hiểu ý nghĩa thật sự. Nếu không, người ta sẽ nói chúng ta mê tín, sai lầm rất lớn. Do vậy, chữ Phật ở đây là “*thử độ quả nhân*”, trong thế gian này, Ngài là một người tu học đã đạt được học vị tối cao.

“*Vô Lượng Thọ thị bỉ phương quả nhân*” (Vô Lượng Thọ là người chứng quả trong phương kia), Vô Lượng Thọ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là A Di Đà Phật đạt học vị tối cao. A Di Đà dịch là Vô Lượng Thọ, Phật là danh xưng học vị. Ngài và Thích Ca Mâu Ni Phật có học vị tương đồng, bình đẳng. “*Có đề trung cụ lưỡng độ quả nhân*” (do vậy, trong tựa đề kinh có hai vị chứng quả trong hai cõi), trong một tựa đề kinh có hai người, chẳng phải là một người, mà là hai người, đều đạt được học vị tối cao.

Bảy chữ “*trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác*” là pháp, “*Đại Thừa nhị tự*” (hai chữ Đại Thừa) là tỷ dụ. “*Thừa giả*” (Thừa là), âm cổ là Thặng (乘), nay chúng ta thường đọc là Thừa, âm cổ đọc là Thặng, có nghĩa là xe, thuở ấy là xe ngựa! “*Thử kinh khả vận tải vô lượng chúng sanh hàm đạt bảo sở*” (kinh này có thể chuyên chở vô lượng chúng sanh cùng đến được chỗ có của báu), nói theo cách bây giờ, “bảo sở” là “bảo địa” (nơi đất báu). Bộ kinh này có thể chở chúng ta sang Tây Phương Cực Lạc thế giới bảo địa. Như trong kinh Pháp Hoa đã nói: “*Đại bạch ngưu xa*”. Đại bạch ngưu xa là xe ngựa. Thời cổ, xe ngựa lớn nhất, có thể ngồi được rất nhiều người. Tôi nhớ lúc bé, đi học tại Nam Kinh, lúc ấy đang học Sơ Trung (trung học đệ nhất cấp, cấp hai), phương tiện giao thông ở Nam Kinh rất ít, xe ngựa rất nhiều. Xe ngựa rất rẻ, hình như là một hai xu, rất rẻ! Một cỗ xe ngựa, tôi nhớ thường ngồi được mười bốn đứa học trò, mười bốn đứa nhỏ ngồi chung một chiếc xe ngựa đi học. Do vậy, dùng Đại Thừa làm tỷ dụ, Đại Thừa là cỗ xe ngựa lớn.

“*Chư kinh giai cụ Giáo, Hành, Lý*” (các kinh đều có đủ Giáo, Hành, Lý), hết thảy các kinh đều có bốn ý nghĩa ấy, ở đây, [lời chú giải] đã tinh lược một chữ, lẽ ra phải là Giáo - Hành - Lý - Quả. Một bộ kinh nhất định có bốn ý nghĩa ấy; ở đây, Quả bị lược đi, Quả là chứng quả, tức đạt được học vị. “*Phật Thuyết Đại Thừa thị Giáo*” (Phật Thuyết Đại Thừa là Giáo), đây là giáo học. “*Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác thị Hành*” (Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là Hành). Như vậy thì đây là Giáo kinh mà cũng là Hành kinh, quý vị hành sẽ đạt được, chẳng hành sẽ chẳng đạt được! “*Vô Lượng Thọ thị Lý*” (Vô Lượng Thọ là Lý), Vô Lượng Thọ [là Lý] mà cũng là Quả. Các vị tổ sư đại đức xưa nay giải thích tựa đề kinh chẳng hoàn toàn giống nhau. Có những vị có cách giảng riêng, nhưng đều giảng hợp lý, đúng lý, đúng pháp, nên [thuyết của các Ngài] đều được công nhận. Do vậy, chúng ta đọc nhiều về giáo pháp Đại Thừa, đối với những thứ do tổ sư đại đức đã giảng từ xưa, quý vị có thể dung hội, hòa hợp, tham khảo nhiều bản [chú giải khác nhau]. Ở Trung Quốc, vào thời cổ, kinh Vô Lượng Thọ có hai bản chú giải để

tham khảo. Những tác phẩm chú giải của Nhật Bản càng nhiều, có hơn hai mươi thứ như trong phần trước chúng ta đã thấy. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giới thiệu, phần nhiều là nhìn vào cách người khác giảng giải tựa đề kinh và Huyền Nghĩa. Bậc tu hành lão luyện, thật sự thâm nhập Kinh Tạng thường chẳng nhìn xem quý vị giảng giải nội dung kinh như thế nào, chẳng xem phần ấy, mà xem phần Huyền Nghĩa. Huyền Nghĩa là gì? Là báo cáo tâm đắc tu học của quý vị, trong ấy có cảnh giới của chính quý vị, nên bậc tu hành lão luyện thường thích xem phần ấy. Kẻ sơ học thích xem cách giảng từng câu kinh một, xem lời chú giải.

“*Vô Lượng Thọ biểu tam tế nhất như, Niết Bàn thường trụ chi Pháp Thân bốn thể*” (Vô Lượng Thọ biểu thị ba đời giống hệt như nhau, Pháp Thân bốn thể thường trụ Niết Bàn). “*Tam tế*” (三際) là quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng có thể nói là Lý Thể được chứng bởi tam thể chư Phật. Lý Thể ấy thường được gọi là “*chư pháp Thật Tướng*”, tức là chân tướng của hết thảy các pháp, chẳng hề mê tín! Khoa học và triết học hiện tại đang nghiên cứu những gì? Chân tướng của vũ trụ và vạn vật. Trải qua nhiều niên đại như thế, những triết học gia và khoa học gia xưa nay trong ngoài nước đã nghiên cứu, có thể nói là họ đã đạt thành tựu khá khả quan; nhưng còn có khá nhiều nghi vấn chưa thể giải đáp! Nói tới khởi nguyên của vũ trụ, các khoa học gia hiện đại cho rằng có một vụ Bùng Nổ Lớn (Big Bang), nhưng thuyết Bùng Nổ Lớn ấy chẳng thể nói trọn vẹn, cái gì đã bùng nổ? Do nguyên nhân nào mà bùng nổ? Chẳng thể giảng rõ ràng những điều ấy. Nói Big Bang là chỉ nhìn vào một hiện tượng, quan sát thấy bằng viễn vọng kính: Trong vũ trụ, thấy tất cả những tinh cầu [bùng nổ] ấy dường như đều ở quá xa chúng ta. Đây là một hiện tượng Bùng Nổ, [do nhìn] từ chỗ này [mà lập ra thuyết ấy]. Thuyết ấy chẳng thể nói trọn vẹn, chỉ do tạm thời quan sát hiện tượng mà có được kết luận như vậy, vẫn phải tiếp tục nghiên cứu. Hiện thời, Lượng Tử Lực Học (Quantum Mechanics) lại phát hiện, phát hiện gì vậy? Phát hiện hiện tượng vật chất sanh khởi là “*vô trung sanh hữu*” (từ trong Không mà sanh ra Có), tốc độ vô cùng nhanh chóng, sau khi sanh ra, bèn tiêu diệt trong khoảng sát-na. Cách nói này hết sức giống với những điều được giảng trong kinh Phật; bởi lẽ, Phật pháp giảng nguyên khởi của vũ trụ là A Lại Da nguyên khởi, A Lại Da là gì vậy? Hiện thời, A Lại Da quả thật đã bị các nhà Lượng Tử Lực Học phát hiện; nhưng còn có một vấn đề: A Lại Da do đâu mà có? Họ chẳng có cách nào [khám phá], nhưng kinh Phật có thể nói rõ: A Lại Da do đâu mà có? Vì sao có A Lại Da?

Do vậy, thuở ấy, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp với tôi, [đã bảo] Thích Ca Mâu Ni Phật là một bậc đại triết học gia. Tôi học Triết với cụ, chúng tôi muốn tìm triết học gia, chẳng tìm tôn giáo, không tìm đến mê tín! Cụ nói: “*Thích Ca Mâu Ni là đại triết học gia, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học cả thế giới. Học Phật là hướng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi được cụ uốn nắn quan niệm sai lầm trước kia như vậy, tôi cứ tưởng Phật giáo là tôn giáo, mê tín, cụ đã chuyển đổi quan niệm sai lầm ấy. Tôi học Phật từ lúc bắt đầu học với thầy Phương cho tới nay là năm mươi chín năm, sang năm là một giáp. Năm mươi chín năm học tập, chúng tôi lời thầy nói là thật, chẳng giả. Vì thế, tôi nhớ mãi không quên ân đức của thầy. Nếu không được thầy chỉ dẫn, làm sao chúng tôi biết trên thế giới có thứ tốt đẹp như vậy, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, quý vị nói có đáng tiếc lắm không? Bao nhiêu người bỏ lỡ!

Hiện thời, chúng tôi đã nghiên cứu, học tập Phật giáo năm mươi chín năm, phát hiện nó không chỉ là đỉnh cao nhất trong triết học, mà còn là khoa học đạt tới đỉnh cao nhất. Những vấn đề mà khoa học và triết học hiện tại chẳng thể giải quyết, đều có toàn bộ [lời giải đáp] trong kinh Đại Thừa. Khoa học gia phát hiện vấn đề ấy, chúng ta mở kinh Phật ra xem thấy ngày càng gần gũi, rốt cuộc họ có thể đạt tới cảnh giới của Phật hay chẳng? Chẳng thể nào! Vì sao chẳng thể? Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng: Ý thức là tâm phân biệt, năng lực của tâm ý thức rất lớn, chúng ta hãy nghĩ thức thứ sáu tức ý thức, bên ngoài có thể duyên khắp pháp giới hư không giới. Khoa học hiện thời gọi điều này là “*hoàng quan thế giới*” (đại vũ trụ, vũ trụ vĩ mô, macrocosm). Quý vị có thể phân duyên toàn bộ vũ trụ, bên trong quý vị có thể duyên tới A Lại Da. Hiện thời, Lượng Tử Lực Học đã thật sự duyên đến A Lại Da. Họ nói tới ba tế tướng của A Lại Da, đương nhiên chẳng rõ ràng, minh bạch như trong kinh Phật đã giảng! Hiện nay, họ phát hiện trong vũ trụ, thứ gì cũng đều không có, chỉ có ba thứ, giống như trong Pháp Tướng Duy Thức đã giảng. Các nhà Pháp Tướng Duy Thức chẳng thừa nhận trong vũ trụ có thứ gì, họ chỉ thừa nhận duy thức, [nghĩa là] chỉ có thức, chỉ có một mình thức! Thức là ba tế tướng, tức nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng, họ dùng các danh từ ấy. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học nói gì? Vật chất, năng lượng, thông tin là ba tế tướng của A Lại Da. Năng lượng là nghiệp tướng của A Lại Da, diễn đạt bằng những danh từ khác nhau, nhưng là cùng một chuyện! Thông tin là chuyển tướng của A Lại Da, cảnh giới tướng được các nhà khoa học hiện tại gọi là “vật chất”. Hoàn toàn tương đồng với Pháp Tướng, chẳng đơn giản! Vũ trụ sâu xa kín nhiệm!

Đức Phật dạy đến khi nào mới có thể thấy sự sâu xa kín nhiệm ấy, là ai? Trong kinh Phật nói Bát Địa Bồ Tát có công phu định lực ấy. Bởi lẽ, các khoa học gia dùng dụng cụ, máy móc để quan sát, phát hiện, Phật pháp không như thế, Phật pháp dùng công phu định lực! Ngài nhập định rất sâu, từ trong Định thấy được. Trong Định, chẳng có giới hạn thời gian và không gian, chẳng có chiều không gian. Ngài trực tiếp thấy, cho nên thấy rõ ràng hơn các khoa học gia. Các khoa học gia phải nhờ vào dụng cụ, máy móc, họ chưa đoạn ý niệm. Vì vậy, đức Phật nói phải đoạn sạch ý niệm, quý vị chớ nên dùng tâm ý thức! Dùng tâm ý thức sẽ chẳng thể thấy chân tướng, vì sao? Cái mà quý vị trông thấy chính là huyền tướng, tâm ý thức cũng là huyền tướng! Huyền tướng có thể duyên huyền tướng, chẳng thể duyên chân tướng. Vì thế nói: Các khoa học gia chắc chắn chẳng thể kiến tánh. Nếu khoa học gia, triết học gia buông phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm xuống, họ sẽ thành Phật, mới có thể thật sự thấy chân tướng. Do vậy, chúng ta có thể nói: Các nhà Lượng Tử Lực Học đã mon men bên lề Phật pháp. Nếu họ thật sự có thể tiến thêm một bước đột phá nữa, buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, họ sẽ chứng đắc, không cần dùng dụng cụ khoa học, chẳng cần phiền phức như vậy. Do các lẽ đó, nói Thật Tế lý thể, nói “*tam tế nhất như*”. “*Niết Bàn thường trụ*”, Niết Bàn (Nirvāna) là tiếng Phạn, dịch nghĩa là bất sanh bất diệt. Trong Phật pháp, “*Pháp Thân bốn thể*” được gọi là Chân Như, mà cũng là Chân Tâm, hoặc Bốn Tánh, rất nhiều danh từ, tới mấy chục loại! Vì sao đối với một chuyện mà đức Phật nói ra lắm danh từ như thế? Đây là giáo học thiện xảo, dạy quý vị chớ nên chấp trước tướng danh tự! Nói cách nào cũng được, chỉ cần nói đúng chuyện này, phá chấp trước, phá phân biệt đây mà! Nói một danh từ, quý vị liền chấp trước, phân biệt. Nói mấy chục danh từ đều nhằm nói về chuyện này, danh tướng là giá, đừng chấp trước, quý vị mới hiểu nghĩa chân thật do đức Phật đã giảng.

Pháp Thân bản thể “*diệc tức chúng sanh bốn cụ chi Phật Tánh*” (cũng chính là Phật Tánh mà chúng sanh vốn sẵn có), Pháp Thân bản thể là Phật Tánh của chính mình. “*Thị tâm thị Phật chi bốn tâm. Cố phán thuộc u Lý, cái kỳ vi Thật Tế lý thể dã*” (là bốn tâm “tâm này là Phật”, nên phán định [Vô Lượng Thọ] thuộc về Lý, vì nó chính là Thật Tế lý thể). Nói tới cuối cùng, vũ trụ và chính mình là một, chẳng hai. Đây là gì? Nêu rõ quan hệ luân lý trong Phật pháp. Phật pháp giảng luân lý thật tuyệt vời, rốt ráo viên mãn. Tổ tiên Trung Quốc nói tới luân lý, lấy thí dụ như trong hiện thời là một gia tộc, từ gia tộc mở rộng đến người ngoài: “*Phàm thị nhân, giai tu ái*” (phàm là người, đều phải yêu thương). Quan hệ luân lý như trong Phật pháp giảng, không chỉ là hết thấy mọi người và chính mình là nhất thể; Lão Tử nói “*thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể*” (trời đất và ta cùng một căn bản, vạn vật và ta cùng một thể), hai câu ấy hết sức gần với Đại Thừa Phật pháp, luân lý Phật pháp giảng điều gì? Hoa, cỏ, cây cối và chính mình là nhất thể; núi, sông, đại địa và chính mình là nhất thể; hư không pháp giới và chính mình là nhất thể. Giảng luân lý viên mãn, giảng đến rốt ráo. Hiểu rõ ràng mối quan hệ, phẩm đức thứ nhất trong tự tánh là gì? Là Ái. Phật không gọi là Ái, vì sợ nói Ái, người ta sẽ nầy sanh hiểu lầm, vì trong Ái có tình, Ái đó sẽ chẳng thật, bị biến đổi; nhà Phật nói là từ bi. Từ bi là Ái, trong từ bi có trí huệ, chẳng có tình. Khi giác ngộ gọi là trí huệ, khi mê, trí huệ bèn biến thành tình, nên gọi là “tình thức”. Vì lẽ đó, trí huệ và tình thức là một chuyện. Một thể mà có hai phương diện! Khi ngộ thì là trí huệ, lúc mê gọi là “tình chấp”. Đức Phật dạy chúng ta hãy giác ngộ, chớ nên mê hoặc. Chúng sanh trong mười pháp giới đều mê, chẳng giác, đến khi nào mới thật sự giác ngộ? Từ bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo như kinh Hoa Nghiêm [đã nói] trở lên là giác ngộ. Trong tâm các Ngài, hoàn toàn là trí huệ, chẳng còn có tình chấp. Trong mười pháp giới, Phật pháp giới có chín phần giác ngộ, vẫn còn một phần tình chưa đoạn. Đạt đến địa vị Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, tình chẳng còn, trí huệ mười phần viên mãn hiện tiền, mới hữu dụng, mới chẳng lui sụt, mới chẳng đọa lạc. Vì thế, mục tiêu chung cực của giáo học Phật pháp là dạy chúng ta trở về tự tánh, trí huệ viên mãn trong tự tánh chính là Thật Tế lý thể.

“*Phật Thuyết Đại Thừa thị Giáo, tức y thử Vô Lượng Thọ chi Lý thể, trực chỉ Đại Thừa vi dụ, vị tuyên thuyết chúng sanh bốn cụ chi đại kinh, phán chi vi Giáo, nghĩa thậm phân minh*” (“Phật Thuyết Đại Thừa” là Giáo, nghĩa là nương theo lý thể của “Vô Lượng Thọ” để trực chỉ Đại Thừa. [Vô Lượng Thọ] là tỷ dụ, vì đức Phật tuyên thuyết Đại kinh để nói về cái chúng sanh vốn sẵn có đủ. Ý nghĩa phán định chữ “Phật Thuyết Đại Thừa” là Giáo hết sức rõ ràng). Ý nghĩa này rất rõ ràng, rất minh bạch. Phần đầu [bản chú giải] kinh này, Hoàng lão cư sĩ đã nói một câu rất hay, “*chúng sanh bốn cụ chi đại kinh*” (đại kinh nói về cái chúng sanh vốn sẵn có đủ, hoặc có thể hiểu là: Đại kinh mà chúng sanh vốn sẵn có). Nay chúng ta học kinh Vô Lượng Thọ là học kinh Vô Lượng Thọ của ai? Chẳng phải là A Di Đà Phật, chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni Phật, mà là chính mình. Vì sao? Trong tâm của chính mình, trong chân tâm, trong tâm thanh tịnh đã trọn đủ Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Người Trung Quốc cũng nói tới bốn tánh. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là “*nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” (thoạt đầu, con người tánh vốn lành). Đối với Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, Tam Tự Kinh dùng một chữ là Thiện, bốn tánh vốn lành! Thiện nghĩa là gì? Chính là mười bốn chữ trong tựa đề kinh. Chính mình, chẳng phải bên ngoài, học điều này để làm gì? Học để chúng ta trở về bốn thiện, quý vị liền thành Phật. Hiện thời chúng ta như thế

nào? Hiện thời, chúng ta “*tánh tương cận, tập tương viễn*” (tánh gần giống như nhau, do huân tập mà khác xa), tánh của chúng ta là một, đều là thanh tịnh, bình đẳng, giác, đều là Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, đều là như vậy; nhưng hiện thời mê muội, lệch lạc, tà vạy, lệch sang tập tánh. Tập tánh là gì? Ích kỷ, tự lợi, thị phi, nhân ngã, tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn, làm những chuyện ấy, lệch lạc rồi! Tiếp nhận sự giáo dục của đức Phật là gì? Từ lệch lạc, tà vạy quay trở lại, trở về Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, trở về bản thiện. Từ tập tánh trở về bản thiện là đúng. Điều đó gọi là sự giáo dục của đức Phật. Sự giáo dục của đức Phật là gì? Quý vị vốn là Phật, nay quý vị đang mê muội, lệch lạc, nên là chúng sanh. Chúng sanh chẳng làm gì, cứ luân hồi trong lục đạo, bị khốn khổ ngàn ấy bèn oán trời hờn người, chẳng biết là tự làm, tự chịu! Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, [sẽ thấy Phật pháp] vốn là sự giáo dục tốt nhất trong thế gian và xuất thế gian!

Thầy Phương về già dạy học tại Đài Loan, từ lúc tôi được biết cụ cho đến khi cụ mất, trong hơn hai mươi năm, hết thầy những lớp cụ dạy đều là giảng kinh Phật, nhưng cụ chẳng giảng từng bộ kinh một mà giảng đại ý. Cụ dạy học cũng giống như Phật Thích Ca hay Khổng Tử, dạy học chẳng có sách giảng nghĩa, chẳng có sách giáo khoa. Cũng may là thuở ấy, cụ còn phóng khoáng hơn thầy Lý một chút. Thầy Lý giảng kinh chẳng cho phép người khác thâu âm, thâu hình càng không chấp nhận! Nếu quý vị mang máy ghi âm đến, Ngài sẽ chẳng giảng, nhưng thầy Phương cho phép học trò ghi âm, chuyện này cũng tốt lắm. Quý vị đọc Toàn Tập [của cụ Phương Đông Mỹ] sẽ thấy đó là do học trò ghi lại, ghi từ đâu ra? Chép từ băng thâu âm ra. Sách do chính cụ viết không nhiều lắm, chỉ có mấy loại, hiện thời Toàn Tập có kích thước lớn như vậy toàn là chép từ băng thâu âm ra. Cụ chẳng thích dùng sách, cũng chẳng thích dùng bài giảng soạn sẵn, mà tùy ý nói ra không hạn chế. Tôi theo cụ một thời gian, cụ đặc biệt giảng cho một mình tôi. Vì thế, tôi là học trò rất đặc biệt, các bạn đồng học rất hâm mộ. Ở Hương Cảng, tiên sinh Đường Quân Nghi² là học trò của cụ. Những học trò thuở đầu ai nấy đều có thành tựu rất khá. Vì thế, phương pháp cổ nhân đã sử dụng hiện thời vẫn còn có người dùng, nhưng học sinh phải có một trình độ nhất định. Chưa đạt đến trình độ, nghe giảng cũng chẳng hiểu thầy đang giảng gì! Thật sự nghe hiểu, sẽ thấy vô cùng thú vị.

Do vậy, phải hiểu: Hết thầy các kinh Phật, không chỉ là một bản kinh này, mà hết thầy đều là tự tánh, là một phần của Tánh Đức, một phần là toàn phần. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Một tức là nhiều, nhiều tức là một*”. Chuyện này vừa mới được Lượng Tử Lục Học phát hiện. Lượng Tử Lục Học phát hiện bất luận một tế bào nào, một phân tử còn nhỏ hơn tế bào, nhưng trong một phân tử có thông tin viên mãn về vũ trụ, họ phát hiện điều này! Trong Phật pháp, điều này được nói rất nhiều. Phật pháp nói trong mỗi một hạt vi trần có

2 Đường Quân Nghi (1909-1978), người huyện Nghi Tân, tỉnh Tứ Xuyên, là một nhà tư tưởng, triết học kiêm giáo dục nổi tiếng của Trung Hoa hiện đại, cụ được coi là truyền nhân của tiên sinh Phương Đông Mỹ. Năm 1949, cụ cùng Tiền Mục, Trương Phi Giới v.v... sáng lập Á Châu Văn Thương Học Viện (nay là Hương Cảng Trung Văn Đại Học Viện), từng sang Mỹ dạy học theo lời mời của Quốc Hội Mỹ, dạy học tại nhiều đại học ở Đài Loan, Hương Cảng. Trước tác rất phong phú về nhiều đề tài, nổi tiếng nhất là các tác phẩm Trung Tây Triết Học Tư Tưởng Chi Tỳ Giáo Nghiên Cứu Tập, Trung Quốc Triết Học Nguyên Luận, Triết Học Khái Luận, Nguyên Giáo Thiên v.v...

toàn thể vũ trụ. Trong vi trần có thể giới, thế giới chẳng rút nhỏ, vi trần chẳng phình to, trong ấy có thể giới viên mãn. Đối với thế giới ấy, chúng ta đã đọc kinh Hoa Nghiêm, thấy kinh nói ai có thể thấy thế giới trong vi trần? Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát có thể đến tham học và giáo hóa chúng sanh trong thế giới ở trong vi trần. Mỗi hạt vi trần đều là như vậy, chẳng có ngoại lệ, một chính là nhiều, nhiều chính là một. Một và nhiều chẳng hai! Trong tự tánh không có lớn hay nhỏ, chẳng có xa hay gần. Không có xa gần là chẳng có không gian; không có trước sau là chẳng có thời gian, không có đối lập. Đây chính là Tánh Đức viên mãn thấu lộ.

Tiếp đó, sách viết: “*Hựu tùng Giáo khởi Hành, cố hạ văn trung Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác tức thị Phật sở giáo hóa chi diệu hạnh dã*” (Lại còn từ Giáo khởi Hành nên Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác chính là diệu hạnh do đức Phật giáo hóa). Nay chúng ta nói Trang Nghiêm là “*mỹ hảo*” (đẹp đẽ), Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là điều chúng ta tu học.

Tôi cũng có một cách giảng riêng khác với cách giảng của cụ Hoàng, tôi nghĩ cách tôi nói khiến cho mọi người dễ hiểu hơn. Tôi đem [tựa đề kinh] phối hợp với ba giai đoạn tu học là A La Hán, Bồ Tát, và Phật. Buông chấp trước xuống, chẳng còn chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, tâm thanh tịnh hiện tiền; đây là A La Hán. Bước thứ nhất là quý vị khôi phục tâm thanh tịnh. Tiến hơn bước nữa là buông phân biệt xuống, chẳng còn có ý niệm phân biệt, tâm quý vị đặc định. Chẳng còn phân biệt là tâm bình đẳng hiện tiền; đây là Bồ Tát. A La Hán còn có phân biệt, Bồ Tát chẳng phân biệt. Cuối cùng, khởi tâm động niệm đều không có, sự giác ngộ ấy chính là Phật Đà. Vì thế, “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là ba tầng tu học theo thứ tự, ba giai đoạn. Bạc thượng thượng căn bỏ ngay, đoạn ngay khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, Lục Tổ Huệ Năng trong Thiên Tông là người như vậy. Ngài có thể buông xuống ngay lập tức, nên thành Phật, phàm phu bèn thành Phật. Vì thế, nói theo lý luận, phàm phu thành Phật cần bao nhiêu thời gian? Một niệm! Trong một niệm, phàm phu có thể thành Phật. Quý vị nghĩ xem, trong một niệm chúng ta có thể tiêu diệt tội nghiệp hay không? Quý vị chẳng hiểu rõ ư? Hễ một niệm giác thì mầm móng tội lỗi đã tạo trong vô lượng kiếp sẽ chẳng còn nữa, đều tiêu hết, thành Phật rồi!

Trong kinh, đức Phật có nêu một tỷ dụ: “*Phòng tối ngàn năm*”. Căn phòng ấy tối tăm cả ngàn năm, chẳng hề có ánh đèn chiếu tới. Phòng tối ngàn năm tỷ dụ điều gì? Tỷ dụ thời gian quý vị tạo tác tội nghiệp rất dài, tội rất nặng, nhưng thấp một ngọn đèn sẽ chiếu sáng, tối tăm chẳng còn nữa! Vì thế, chúng ta hiểu đạo lý này, buông khởi tâm động niệm xuống sẽ thành Phật. Trong kinh Đại Thừa, khởi tâm động niệm được gọi là “*căn bản vô minh*”. Tất cả hết thấy các hiện tượng hư vọng, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là huyền tướng, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy hữu vi pháp, như mộng, huyền, bọt, bóng*”, hết thấy mọi người đều biết đọc những câu ấy, nhưng quý vị có cảm nhận được hay chẳng? Chúng ta chia nó thành từng giai đoạn. Chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, lục đạo sẽ chẳng còn. Vì thế biết: Tạo thành lục đạo nghiêm trọng nhất chính là chấp trước. Chẳng còn chấp trước, lục đạo sẽ chẳng còn! Còn có tứ thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, đó là gì? Phân biệt. Quý vị có phân biệt, sẽ có [tứ thánh pháp giới]. Chẳng có phân biệt, tứ thánh

pháp giới sẽ chẳng có, mười pháp giới cũng chẳng có, chỉ còn lại cái được gọi là Nhất Chân pháp giới. Chẳng có khởi tâm động niệm sẽ vượt thoát mười pháp giới. Nay chúng ta hiểu rõ: Sở dĩ cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai tồn tại là vì tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn sạch, nên các Ngài hiện tướng này. Khi tập khí đoạn sạch, tướng ấy sẽ chẳng có. Do vậy, *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, đức Phật chẳng nói “trừ cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai ra”, chẳng nói câu ấy. Chẳng nói câu ấy thì nói cách khác là cõi Thật Báo cũng vậy, cũng là chẳng thật. Tập khí vô thỉ vô minh đoạn sạch, sẽ là hình dạng ra sao? Vẫn còn có, trong Tịnh Độ gọi là cõi Thường Tịch Quang hiện tiền. Thường Tịch Quang là tự tánh của chúng ta. Thường Tịch Quang là Bản Tế. Thường Tịch Quang chính là Bản Tâm đang được nói ở đây. Ở đây, Thường Tịch Quang được gọi là “Thật Tế lý thể”, quy về Thường Tịch Quang. Thường Tịch là nói về tự tánh.

Huệ Năng đại sư minh tâm kiến tánh là thấy gì vậy? Thấy Thường Tịch Quang. Ngài mô tả Thường Tịch là như thế nào, chứ các nhà khoa học chẳng thể nói được!

- Thứ nhất là thanh tịnh, *“nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”*, mảy may ô nhiễm cũng chẳng có, chưa hề bị ô nhiễm. Trong lục đạo chẳng ô nhiễm, trong địa ngục A Tỳ cũng không ô nhiễm, chân tánh của quý vị trước nay chưa hề bị ô nhiễm.

- Thứ hai là *“vốn chẳng sanh diệt”*, bất sanh, bất diệt, vĩnh hằng.

- Thứ ba là *“vốn tự trọn đủ”*. Trong Thường Tịch Quang, thứ gì cũng đều không có. Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, cũng chẳng phải là hiện tượng tự nhiên, nhưng những thứ ấy đều ẩn tàng trong đó, chẳng tỏ lộ ra. Vốn tự trọn đủ, giống như máy TV. Chúng ta tắt nguồn điện thì thứ gì cũng chẳng có, nhưng quý vị chẳng thể nói là nó không có. Quý vị bật điện lên, nó bèn xuất hiện. Nhà Phật gọi điều này là *“ẩn hiển”*. Trong Thường Tịch Quang, [những hình tướng, hiện tượng] đều ẩn, thứ gì cũng chẳng có.

- Nếu gặp duyên, *“có thể sanh ra vạn pháp”*. Có thể sanh ra vạn pháp là Hiện, sanh ra mười pháp giới, sanh ra cõi Thật Báo của chư Phật là Hiện. Khi hiển, quý vị chẳng thể nói là nó có. Khi chẳng hiển, chẳng thể nói là nó không có. Tự tánh vốn định, do vậy, định rất quan trọng.

- Huệ Năng đại sư bảo: *“Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng dao động”*, cũng là chân tâm bất động. Vọng tâm bị động, chứ không phải là chân tâm. Chúng ta nói “khởi tâm động niệm”, nghĩ Đông tưởng Tây là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Đây là thức thứ sáu, tức Ý Thức thuộc A Lại Da, phải hiểu rõ ràng! Khoa học [vận dụng] tận hết sức lực, đúng như đức Phật đã nói, có thể phát hiện A Lại Da, chứ chẳng thể kiến tánh, vì sao? Kiến tánh cần phải buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Các khoa học gia chẳng buông những thứ ấy xuống, nên họ chẳng thể kiến tánh. Đạt đến cảnh giới này, khoa học chẳng thể tiến cao hơn được nữa, vẫn mong truy tầm, khảo sát bản thể vũ trụ, nhưng chẳng tìm được. Chắc chắn là tìm không được! Buông xuống sẽ tìm được. Chuyện này đòi hỏi phải có công phu định lực. Vì thế, Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác chính là diệu hạnh giáo hóa của đức Phật.

“*Nhất cú A Di Đà, dĩ chi trang nghiêm tự tâm, thanh tịnh tự tâm, thị tức y giáo tu hành dã*” (Một câu Di Đà dùng trang nghiêm tự tâm, thanh tịnh tự tâm thì chính là “y giáo tu hành”). Đây là quy về Tịnh Độ Tông, quy về phương pháp tu hành được giảng trong bộ kinh này, tức là một câu A Di Đà, “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Đặc biệt, trong xã hội hiện tiền, tai nạn rất nhiều, chúng ta buông xuống vạn duyên, buông xuống hết thảy, thật sự buông xuống giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng đều chẳng có, tâm quý vị vui sướng lắm, tự tại lắm! Đây mới là như Phương tiên sinh đã nói: “*Sự hưởng thụ tối cao trong đời người*”. Chính mình chắc chắn sanh về Tịnh Độ, hề sống thêm một ngày trên thế giới này thì phải thêm nỗ lực một ngày, để làm gì? Nâng cao phẩm vị! Nâng cao phẩm vị bằng cách nào? Trọn chẳng lưu luyến thế gian này, phẩm vị của quý vị mới có thể nâng cao. Mấy may vướng mắc đối với thế gian này chính là sợi dây trói buộc khiến cho quý vị chẳng thể vãng sanh, quý vị đã sai rồi, hãy buông hết thảy xuống! Vì thế, chúng ta sống trong thời đại này, đối với một người tu hành thật sự mong chứng quả, mong thành Phật mà nói thì là hoàn cảnh tốt đẹp! Lắm tai nạn là hoàn cảnh tốt đẹp, vì nó bức bách quý vị không dụng công cũng chẳng được, ép quý vị không buông xuống cũng chẳng xong. Đó gọi là Nghịch Tăng Thượng Duyên. Nếu là đời thái bình thịnh trị, hết thảy đều có thể vừa lòng như ý, quý vị sẽ chẳng muốn rời đi, vẫn mong sống trên thế giới này thêm vài năm nữa. Nếu thấy hiện thời tai nạn dồn dập như thế, trong tâm sẽ mong “ước gì ta vãng sanh ngay lập tức, vãng sanh ngay hôm nay là tốt nhất!” Tâm thành tựu sẽ dũng mãnh, tinh tấn, khiến cho quý vị có cái tâm cảnh giác rất cao trong hoàn cảnh, chẳng mê hoặc mấy may nào! Vì thế, trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói: “Trong thế gian này, ai cũng là người tốt, mọi chuyện đều là chuyện tốt”. Người tìm đến gây chuyện, tạo chướng ngại đều là người tốt, đều là chuyện tốt. Vì sao? Khiến cho chúng ta chẳng còn mấy may lưu luyến thế giới này. Đối với người tu hành, đó là chuyện tốt, quyết định thành tựu trong một đời này, lại còn thành tựu rất nhanh!

Tiếp đó, sách viết: “*Bát giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (chẳng nhờ vào phương tiện, tự được tâm khai). “*Bát giả phương tiện*” là chẳng cần nhờ đến phương pháp nào khác giúp đỡ, chỉ đơn độc một câu A Di Đà Phật là được rồi, tự được tâm khai. “*Tâm khai*” là khai ngộ, minh tâm kiến tánh. “*Viên hiển bốn cụ chi bình đẳng giác, thị dĩ Hành hiển Lý dã*” (hiển lộ trọn vẹn bình đẳng giác sẵn có. Ấy là dùng Hành để hiển Lý). Chúng ta thật sự niệm, thật sự hành, trong sự niệm Phật của quý vị có Định, Định sanh ra Huệ. Khi thật sự buông xuống, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm bình đẳng hiện tiền, lẽ đâu chẳng khai ngộ? Hễ khai ngộ, tất cả nghiệp chướng đều tiêu. Chúng ta hãy nghĩ xem, đời Đường, Huệ Năng đại sư thật sự khai ngộ trong phương trượng thất của Ngũ Tổ, nghiệp chướng tiêu sạch, vì sao vẫn phải ẩn núp trong phùng thợ săn mười lăm năm, pháp duyên mới thành thực, vì sao? Nghiệp chướng của chính mình đã tiêu rồi, nhưng phước báo của chúng sanh chưa hiện tiền, chúng sanh có nghiệp chướng, nên chẳng có cách nào! Quý vị không có cách nào tiêu nghiệp giùm họ được! Ất phải [chờ đến lúc] nghiệp chướng của chúng sanh cũng tiêu mất thì quý vị mới có thể giúp đỡ họ. Điều này được gọi là gì? “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Chúng sanh có nghiệp, chúng sanh đáng thương, vẫn chưa thể tiếp nhận, quý vị đành phải thông thả chờ đợi họ, Huệ Năng đại sư có thể chờ mười lăm năm. Sau đây, các vị Bồ Tát giúp đỡ Ngài. Ngài Án Tông là Bồ Tát, rất phi phàm, chẳng có tí xíu tâm ghen ghét nào, Ngài là Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân. Có tâm ghen ghét sẽ chèn ép,

luôn mong không chế, lợi dụng, chiếm hữu Lục Tổ để tạo tiếng tăm, lợi dưỡng cho chính mình. Ngài Ấn Tông không như thế, nhận biết đại sư thật sự đặc pháp từ chỗ ngài Hoàng Mai, là vị pháp sư được truyền y bát, lúc đó, Lục Tổ vẫn còn là một cư sĩ chưa xuống tóc, Ấn Tông bèn quy y cho đại sư. Vì thế, ngài Ấn Tông là thầy quy y của Lục Tổ. Sau khi xuống tóc, Ấn Tông bái Lục Tổ làm sư phụ, bái Ngài làm thầy. Do vậy, Huệ Năng là thầy truyền pháp cho Ấn Tông; mà Ấn Tông lại là thầy thế độ của Huệ Năng. Hết sức phi phàm! Thuở ấy, tại vùng Lãnh Nam³, Quảng Đông, ngài Ấn Tông có danh vọng rất cao, pháp duyên rất thịnh, Ngài bái đại sư làm thầy, tôn thầy lên cao, ngay lập tức, đại sư bèn được nổi tiếng. Ấn Tông làm hộ pháp cho Ngài, thỉnh Ngài giảng kinh, giáo học, ai không phục? Ai chẳng nghe theo? Ấn Tông dẫn đầu đến nghe, đến học. Điều này được Phật pháp diễn tả là: “*Nhất Phật xuất thế, thiên Phật ủng hộ*” (một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ).

“*Hựu đắc vãng sanh giả ngộ Vô Sanh Nhân, tòng Thế khởi Dụng, phục dĩ thử bình đẳng diệu pháp, bình đẳng phổ độ nhất thiết chúng sanh, vãng sanh Tịnh Độ, đồng chứng Đại Giác, phục thị tòng chúng hạnh hiển Lý đã*” (Hơn nữa, được vãng sanh bèn ngộ Vô Sanh Nhân, từ Thế khởi Dụng, lại dùng diệu pháp bình đẳng này bình đẳng phổ độ hết chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ, cùng chứng Đại Giác. Đây cũng chính là từ các hạnh hiển lý vậy). Vãng sanh mới thật sự chứng đắc Vô Sanh. Địa vị Vô Sanh Pháp Nhân rất cao! Theo kinh Đại Thừa đã giảng, hàng Đẳng Địa Bồ Tát⁴ mới chứng đắc, nhưng thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân là từ Thất Địa trở lên. Vô Sanh Pháp Nhân là gì? Thật ra, nay chúng ta cũng biết, hiện thời chúng ta chưa phải là chứng ngộ, mà là giải ngộ. Chẳng phải là chứng ngộ thì chưa dùng được, chẳng phải là cảnh giới của chúng ta. Chúng ta biết đích xác, vì sao? Quý vị đọc đoạn đối thoại giữa Di Lặc Bồ Tát và Thích Ca Mâu Ni Phật, sẽ biết hết thấy các pháp bất sanh, hết thấy các pháp bất diệt. Nhân (忍) là quý vị thừa nhận, đồng ý, tán thành: Hết thấy các pháp thật sự bất sanh. Pháp là gì? Di Lặc Bồ Tát đã giảng: “*Trong một khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệ, niệ niệ thành hình*”, “*hình*” là hiện tượng vật chất. “*Hình đều có thức*”, thức là hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất do đâu mà có? Do huyễn tướng từ ý niệ liên tục tích lũy lại! Cách nói này là cách nói của các khoa học gia Lượng Tử, vì họ cũng phát hiện vật chất và tinh thần đột nhiên phát sanh, trong Không sanh ra Có, thời gian rất ngắn ngủi, vừa sanh ra liền bị tiêu diệt, chẳng còn nữa. Đây là hiện tượng Vô Sanh. Khoa học gia dùng máy móc để chứng đắc, vẫn chưa thật sự hiểu rõ ràng, nhưng người tu hành do công phu định lực chứng đắc, công phu định lực là gì? Tâm thanh tịnh hiện tiền. Khoa học gia

3 Lãnh Nam là phía Nam rặng Ngũ Lĩnh, bao gồm toàn bộ vùng Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam, Giang Tây (đó là nói theo thời Đường), hiện thời Lãnh Nam chỉ bao gồm Quảng Đông, Quảng Tây và Hải Nam. Ngũ Lĩnh là một quần thể núi bao gồm năm rặng Việt Thành Lĩnh, Đô Bàn Lĩnh, Manh Chử Lĩnh, Kỳ Điền Lĩnh, và Đại Dữu Lĩnh, là ranh giới thiên nhiên phân cách lưu vực của hai sông Trường Giang và Châu Giang. Do thế núi hiểm trở, văn hóa cũng như quân đội Trung Nguyên khó thể xâm chiếm, không chế vùng này, hơn nữa đây là địa bàn cổ của tộc người Bách Việt, có những nét văn hóa dị biệt, đặc sắc riêng, người Hán với thói quen ngạo nghễ cố hữu bèn gọi nơi này là “*man di chi địa*”.

4 Đẳng Địa Bồ Tát: Bồ Tát chứng đắc từ Sơ Địa trở lên.

giống như chúng ta, chưa rời khỏi phân biệt, chấp trước, nhờ vào máy móc để quan sát tình hình vật chất là như thế đó.

Vì thế, các nhà khoa học nói: Dựa trên sự nghiên cứu nguyên tử và các hạt cơ bản, đạt đến kết luận cuối cùng, trong vũ trụ chẳng có những thứ vật chất gì cả! Hiện tượng vật chất và tinh thần đều là một hiện tượng tích lũy liên tục của ý niệm. Vì thế, trong khi giảng kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi thường xuyên nhắc nhở các đồng học: Hiện tượng ấy là hiện tượng gần giống như liên tục (tương tự tương tục tương), chẳng phải là thật sự liên tục, mà thật sự là sanh khởi trong mỗi niệm, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều độc lập, niệm trước và niệm sau khác nhau, niệm niệm đều khác nhau, chúng là tương tự, chẳng phải là hoàn toàn giống nhau. Vì thế, chẳng thể nói là “liên tục”, mà nói là “tương tự tương tục”. Do đó, tôi cảm thấy các nhà khoa học nói như vậy rất hay, họ nói là “tích lũy”. [Các hiện tượng vật chất và tinh thần] đều là huyễn tướng của ý niệm được tích lũy liên tục; cách nói này rất khá, giảng rất rõ ràng. Quý vị thật sự thừa nhận Vô Sanh Nhân, biết những thứ ấy (các hiện tượng tinh thần và vật chất) chẳng phải là thật, kể cả thân thể chúng ta, quý vị liền an tâm. An tâm liền tự tại. Hễ an tâm, các tế bào trong toàn bộ thân thể sẽ khôi phục bình thường. Quý vị chẳng an lòng, hôm nay nghĩ tới chỗ này, ngày mai nghĩ đến gan, hôm sau lại nghĩ đến phổi, hôm sau nữa lại nghĩ đến tim, trong lòng luôn căng thẳng. Căng thẳng sẽ như thế nào? Dễ sanh ra bệnh tật, tế bào bèn sanh ra sự biến hóa. Quý vị biết hết thấy đều bình thường, hễ sanh ra liền lập tức diệt, căn bản là quý vị chẳng còn nghĩ tới nó, liễu giải chân tướng sự thật, mặc kệ nó! Toàn bộ sẽ khôi phục bình thường, những tế bào vốn mắc bệnh sẽ khôi phục bình thường. Do vậy, đây là chỗ tốt đẹp tối thiểu do học Phật, học được điều gì? Quý vị chẳng ngã bệnh! Tôi lại bảo quý vị: Quý vị chẳng chết, sanh tử là giả. Đó là thật, chẳng phải là lời giả dối, tuyệt đối chẳng phải là mê tín!

Do vậy, đối với sanh tử, Phật pháp nói “liễu sanh tử” thì “liễu” là gì? Hiểu rõ! Thật sự hiểu rõ sanh tử là chuyện gì, hiểu rõ ràng; vì thế, quý vị chẳng sợ hãi nó một chút nào! Sanh tử là chuyện gì? Thay một bộ quần áo mà thôi! Thân thể vật chất này sử dụng một khoảng thời gian đã trực trặc rồi, trực trặc thì thay đổi cái khác, giống như quần áo đã mặc dơ, rách nát, hoặc chẳng thích mặc nữa, bèn thay bộ khác, chuyện này rất bình thường. Tinh thần bất diệt, không chỉ là thay đổi, quý vị thấy thân thể này vứt bỏ, nhưng còn có linh tánh. Chúng ta nói “linh hồn” thì linh hồn đang mê; sau khi giác ngộ chẳng gọi là “linh hồn” mà gọi là “linh tánh”. Học Phật chẳng phải là làm chuyện gì khác, mà là nâng cao linh tánh của chính mình. Thân thể là cái kèm theo, linh tánh dựa vào cái thân này, thân thể chẳng có tí xíu bệnh tật nào. Do linh hồn có mê, mê rồi nên nó có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, linh tánh chẳng mê. Do vậy, sẽ hình thành “*Kim Cang bất hoại thân*” như kinh Phật đã nói, chuyển mê thành ngộ là Kim Cang bất hoại thân. “*Từ Thể khởi Dụng*” là gì vậy? Ứng hóa trên thế gian là từ Thể khởi Dụng. Lại dùng phương pháp này, tức là dùng phương pháp “thanh tịnh, bình đẳng, giác” để bình đẳng phổ độ hết thấy chúng sanh. Phương pháp này tuyệt diệu, “thanh tịnh, bình đẳng, giác” ở ngay trong một câu A Di Đà Phật. Toàn bộ câu A Di Đà Phật này là tiếng Phạn, có thể dùng “thanh tịnh, bình đẳng, giác” để dịch ý nghĩa của nó. A Di Đà Phật nghĩa là gì? “Thanh tịnh, bình đẳng, giác”, dùng phương pháp này để độ hết thấy chúng sanh, giúp họ vãng sanh thế giới Cực Lạc cùng chúng Vô Thượng Bồ Đề, Đại Giác là Vô Thượng Bồ Đề, là quay về tự tánh. Đây là từ các hạnh để hiển Lý. Các hạnh gồm nhiều hạnh môn, kể cả cuộc sống hằng ngày và

công việc của chúng ta, xử sự, đãi người, tiếp vật, toàn là A Di Đà Phật, hoàn toàn là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Điều khẩn yếu là chúng ta phải thật sự hiểu rõ, thật sự biết dùng, biết dùng phương pháp đơn giản nhất là trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự đãi người, tiếp vật, trong tâm có A Di Đà Phật. Trong tâm trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng đều không có. Câu này (tức câu “từ Thế khởi Dụng”) có ý nghĩa như vậy đó. Trong tâm chẳng cần nghĩ đến “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chỉ nghĩ tới A Di Đà Phật, bốn chữ đơn giản là được rồi, sẽ nhập cảnh giới ấy. Vận dụng “thanh tịnh, bình đẳng, giác” vào cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật, do các hạnh mà hiển Lý, đấy là tự tánh.

“*Nhược dĩ kinh đề phối Tam Đại*” (nếu đem tựa đề kinh phối hợp với Tam Đại), Tam Đại là Thế, Tướng, Dụng. Trong tựa đề kinh có những ý nghĩa ấy hay không? “*Vô Lượng Thọ thị Thế đại, Trang Nghiêm Thanh Tịnh thị Tướng đại, Bình Đẳng Giác thị Dụng đại*” (Vô Lượng Thọ là Thế đại, Trang Nghiêm Thanh Tịnh là Tướng đại, Bình Đẳng Giác là Dụng đại), thật sự có ý nghĩa Tam Đại, rất rõ rệt. Chúng ta đọc phần tiếp theo: “*Y Hán dịch Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác tức A Di Đà Phật nghĩa*” (Căn cứ theo bản Hán dịch, Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác tức là ý nghĩa của chữ A Di Đà Phật). Trong năm bản dịch gốc, bản dịch đời Hán có tựa đề là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh; tựa đề này là dịch theo nghĩa, nguyên văn tiếng Phạn là A Di Đà. “*Cánh khả dĩ bốn kinh đề phối tam giác. Vô Lượng Thọ Phật thị ngã Bốn Giác. Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, dĩ trang nghiêm tự tâm thị danh Thi Giác. Thi Giác hợp Bốn Giác, trực xu Cứu Cánh Giác, tức đề trung Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác dã*” (ta có thể đem tựa đề kinh này phối hợp với Tam Giác. Vô Lượng Thọ Phật là Bốn Giác của ta. Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm đề trang nghiêm tự tâm là Thi Giác. Thi Giác hợp với Bốn Giác, tiến thẳng đến Cứu Cánh Giác chính là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác trong tựa đề kinh). Đây là phối hợp với ba món Giác: Thi Giác, Bốn Giác, và Cứu Cánh Giác. Trong đó, Bốn Giác là Lý thể, Thi Giác là bắt đầu tu hành. Chúng ta suốt ngày mê muội, bắt giác, quý vị phải hiểu: Niệm Phật là giác chứ không mê. Nhưng quý vị phải biết: Nếu không hiểu, mà chẳng nghe kinh, chẳng học giáo, quý vị niệm câu A Di Đà Phật này vẫn là mê hoặc, điên đảo, mê tín, A Di Đà Phật là gì? Không biết! Người ta nói A Di Đà Phật là gì? “Tượng Phật được thờ trong nhà tôi là A Di Đà Phật”, kẻ ấy bèn chỉ vào tượng đó, về căn bản chẳng biết A Di Đà Phật là gì! A Di Đà Phật là tự tánh, là bản tánh của chính mình, là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” chính mình vốn sẵn đủ. Liễu giải thì khi niệm sẽ tương ứng, giống như phương pháp được gọi là Tam Mật Tương Ứng trong Mật Tông: Tay kết thủ ấn, nay chúng ta gọi là “thủ ngữ”, miệng trì chú, trong tâm quán tưởng, thấy đều tương ứng thì mới được. Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật này cũng giống như thế, khi niệm A Di Đà Phật chấp tay niệm cũng được, cung kính! Lăn tràng hạt niệm Phật cũng được. Cầm tràng hạt trên tay nhưng không lăn cũng được! Vì sao? Nhắc nhở chính mình. Không lăn tràng hạt để nhắc nhở chính mình, [cầm tràng hạt] giống như thủ ấn, giống như kết ấn, bằng với kết ấn. Một câu A Di Đà Phật chẳng rời miệng, giống như trì chú. Trong tâm thanh sạch, chẳng nhiễm mảy trần. Hoặc là miệng niệm Phật, trong tâm có Phật, niệm một tiếng A Di Đà Phật, biết A Di Đà Phật là tự tánh của chính mình, biết A Di Đà Phật là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” của chính mình, biết A Di Đà Phật là đại viên mãn của chính mình, chẳng phải là chẳng có gì khác [Tam Mật Tương Ứng] ư? Cùng là một chuyện! Còn đơn giản, thuận tiện hơn Mật Giáo! Trong Mật Giáo có rất nhiều quy củ, pháp môn này không có, hoàn toàn khiến quý vị thoải mái. Vì thế, nếu quý vị biết niệm, đúng là một pháp

môn sẽ là hết thầy các pháp môn. Một câu A Di Đà Phật này bao gồm trọn hết thầy Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ! Quý vị nói xem pháp môn này có thù thắng, vi diệu lắm hay không?

Tiếp đó là: *“Hựu khả giải vi Bình Đẳng Giác thị ngã Bản Giác. Khởi tâm niệm Phật, dĩ tự trang nghiêm, thị vi Thi Giác. Thi Bản bất ly, trực xu giác lộ, đón nhập Tịch Quang, chứng Vô Lượng Thọ. Như thị tắc Bình Đẳng Giác thị ngã nhân tâm, Vô Lượng Thọ thị ngã Quả Giác. Như thị diệu nghĩa triển chuyển vô tận, tất tại nhất đề chi trung”* (Lại có thể hiểu như sau: Bình Đẳng Giác là Bản Giác của ta, khởi tâm niệm Phật để tự “trang nghiêm” là Thi Giác. Thi, Bản chẳng rời nhau, thẳng tiến trên đường giác ngộ, chóng vào được Tịch Quang, chứng Vô Lượng Thọ. Như vậy, Bình Đẳng Giác là nhân tâm (cái tâm dùng làm nhân, cái tâm tu nhân) của ta, Vô Lượng Thọ là Quả Giác của chúng ta). Diệu nghĩa được phát triển đến vô tận như thế, nhưng đều nằm gọn trong tựa đề). Những ý nghĩa ấy đều bao gồm trong tựa đề kinh, trong tựa đề kinh bao hàm vô lượng nghĩa, thật vậy, chẳng giả! *“Thị cố Viên Trung Sao sở viết: ‘Văn thủ đề danh tự, hoạch vô lượng công đức’. Sao viết: Như Kim Quang Minh, cập chư Đại Thừa, đa tác thủ thuyết”* (Vì vậy, trong sách Viên Trung Sao có lời sở như sau: “Nghe tựa đề kinh được vô lượng công đức”. Lời Sao giảng: “Như kinh Kim Quang Minh và các kinh Đại Thừa khác phần nhiều nói như vậy”). Từ các bản chú sở kinh Đại Thừa của cổ đức, chúng ta thấy nói như vậy rất nhiều! Không chỉ là tựa đề kinh trọn đủ viên mãn vô lượng nghĩa, mà trong các buổi giảng, chúng tôi đã từng báo cáo cùng quý vị: Một câu A Di Đà Phật trọn đủ vô lượng nghĩa. Trong một câu A Di Đà Phật dung nhiếp trọn vẹn tựa đề của mười hai bộ kinh, [nói “mười hai bộ kinh” ở đây] là nói tới mười hai bản dịch gốc [của kinh Vô Lượng Thọ]. Mỗi tựa đề đều được bao gồm trong Phật hiệu. Vì vậy, quý vị niệm một câu Phật hiệu này là niệm trọn hết tựa đề của mười hai bộ kinh, niệm tựa đề là niệm toàn bộ bản kinh. Niệm toàn bộ kinh này sẽ giống như niệm toàn bộ kinh Hoa Nghiêm và hết thầy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, chẳng sót một bộ nào! Chúng ta học phần giải thích tựa đề kinh của cụ Hoàng Niệm Tổ đến đây [là xong].

Tiếp theo đây, tôi sẽ đơn giản giới thiệu cách tôi giảng tựa đề bộ kinh này như thế nào khi tôi giảng kinh này trong quá khứ. Hiện thời, chúng tôi giảng bộ kinh này lần thứ mười một, trước kia đã giảng mười lần, nhưng cả mười lần, chúng tôi không giảng bản Chú Giải của cụ Hoàng Niệm Tổ, chỉ là giảng kinh, chẳng giảng chú giải. Tham khảo chú giải, sử dụng một phần, còn lần này là học tập bản Chú Giải chẳng sót một chữ nào. *“Phật Thuyết Đại Thừa”*, Phật là Thích Ca Mâu Ni Phật nói, ý nghĩa này rất rõ rệt. Phật là Thích Ca Mâu Ni Phật, Bản Sư. *“Thuyết”* là thỏa thích điều từng ấp ủ trong lòng. Đức Phật xuất hiện trên thế gian này, nhằm mục đích gì? Vì rộng độ chúng sanh, giúp chúng sanh mau chóng thành Phật. Dùng phương pháp gì để giúp chúng sanh có thể thành Phật trong một đời? Bằng pháp môn này, bằng bộ kinh này! Đức Phật thấy chúng sanh cơ duyên thành thực; cơ duyên là gì? Họ có thể tin, nghe hiểu, lý giải. Sau khi nghe hiểu, họ sẽ chịu làm, chịu phát nguyện vãng sanh, cơ duyên đã chín muồi! Phật bèn giảng bộ kinh này cho mọi người, nhằm mãn nguyện của quý vị, một đời này, quý vị chắc chắn sẽ được như nguyện, sanh về thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành chứng quả, thành Phật độ sanh giống như Ngài. Đây là ý nghĩa của hai chữ Phật Thuyết.

“Đại Thừa” là trí huệ, vì trong phẩm [Nhu Lai] Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã bảo chúng ta: “*Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Nhu Lai*”. Tôi [dùng điều đó để] dung thông, phối hợp với tựa đề kinh này thì “Đại Thừa” là trí huệ sẵn có trong bản tánh, “*Vô Lượng Thọ*” là tự tánh trọn đủ các đức, “*Trang Nghiêm*” là tự tánh vốn trọn đủ tướng hảo. Trí huệ và đức tướng là quả. Quả đương nhiên có nhân, nhân là gì? Nhân là “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Tu ba nhân ấy, quý vị sẽ chứng quả Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, tức Phật quả. Thanh tịnh: Người học Phật chúng ta tu gì? Tu “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Dùng phương pháp gì để tu? Tám vạn bốn ngàn pháp môn! Tám vạn bốn ngàn là phương pháp, đường lối. Tu gì? Tu “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, kinh này trực tiếp chỉ dạy chúng ta. “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là Tam Học, Tam Huệ. Tam Học là Giới - Định - Huệ, thanh tịnh là Giới, bình đẳng là Định, giác là Huệ, Giới - Định - Huệ Tam Học. “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là Tam Tạng, mười hai bộ kinh (thể loại kinh) trong Tam Tạng. Thanh tịnh là Luật Tạng, bình đẳng là Kinh Tạng, giác là Luận Tạng. Quý vị thấy đó là Tam Học, Tam Tạng. Lại còn là Tam Bảo, thanh tịnh là Tăng Bảo, lục căn thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần là Tăng Bảo, tức người trì giới. Hiện thời xuất hiện vấn đề: Tại gia học Phật chẳng thể hành Thập Thiện Nghiệp đạo, xuất gia học Phật chẳng làm được Sa Di Luật Nghi, nên vấn đề xuất hiện! Vì thế, bất luận tại gia hay xuất gia học Phật cũng đều chẳng thể thành tựu. Trong vài chục năm qua, chúng tôi thấy vấn đề này quá nhiều, nghĩ bao nhiêu năm mới nghĩ ra vì sao có hiện tượng ấy, vì sao cổ nhân chẳng giống như vậy? Cổ nhân dù tại gia hay xuất gia đều có thể tu hành chứng quả, vì sao người hiện tại lại không được?

Suy đi nghĩ lại, cuối cùng tìm ra cội rễ của vấn đề. Kể từ sau khi nhà Mãn Thanh mất nước cho đến hiện tại, trong một trăm năm thuộc thế kỷ này, chúng ta đã sơ sót không vun bồi căn bản giáo dục. Trước kia, quả thật là hai mươi năm đầu thời Dân Quốc, tức là hai mươi năm sau khi nhà Mãn Thanh mất nước, vẫn còn ảnh hưởng, người trong xã hội thưở ấy vẫn còn phổ biến coi trọng giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, hết sức coi trọng! Chúng tôi thưở bé cũng được hưởng lây một chút, vun bồi căn bản giáo dục rất trọng yếu. Cổ ngôn ngữ Trung Quốc có câu: “*Giáo nhi anh hài, giáo phụ sơ lai*” (dạy con từ thưở còn thơ, dạy vợ từ thưở ban sơ mới về), dạy con cái là dạy ra sao? Từ thưở trứng nước, con sanh ra gọi là “*anh hài*”. Dạy con dâu, khi cưới vợ về, vừa vào cửa liền dạy dỗ, dạy vợ từ thưở ban đầu; nếu không, vợ sẽ dưỡng thành thói quen, chẳng nghe lời quý vị. Con thơ từ lúc được sanh ra phải dạy dỗ. Nó sanh ra, mở mắt ra sẽ thấy, tai sẽ nghe tiếng, tuy nó chưa thể nói chuyện, nhưng đã học tập, học gì vậy? Học theo người lớn. Đầu tiên là cha mẹ mỗi ngày dẫn dắt nó. Cha mẹ khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm, cử chỉ đối với nó đều có ấn tượng. Một nghìn ngày từ lúc được sanh ra cho đến ba tuổi được gọi là “*vun bồi căn bản giáo dục*”. Có được một nghìn ngày ấy, cổ nhân bảo “*tam tuế khán bát thập*”; [nghĩa là] dạy dỗ kỹ càng một ngàn ngày [từ lúc sanh ra] cho đến lúc ba tuổi thì tám mươi tuổi sẽ không thay đổi, có căn bản rồi! Đầu thời Dân Quốc, xã hội Trung Quốc chẳng an định, quân phiệt cát cứ, tiếp đó, chiến tranh với người Nhật. Sau tám năm kháng chiến, Trung Quốc chiến bại, chẳng có chiến thắng, bại ở chỗ nào? Vứt bỏ truyền thống văn hóa Trung Quốc, chẳng còn gia giáo. Không chỉ chẳng có gia giáo, mà gia tộc cũng chẳng còn! Hãy nên biết Trung Quốc thời cổ là đại gia đình, ngũ đại đồng đường⁵, chẳng tách thành tiểu gia

5 Năm thế hệ cùng sống chung một nhà.

đình. Vì thế, mỗi nhà có gia quy, có gia đạo, gia học, gia nghiệp. Sau khi kháng chiến thắng lợi, toàn bộ đều chẳng còn. Đây là chúng ta bị đánh bại, bề ngoài là thắng lợi, chứ thật sự là bị đánh bại!

Nếu thật sự chiến thắng, xã hội ngày nay sẽ ổn định vững bền, phải thịnh vượng giống như thuở Hán, Đường, đại quốc mệnh mệnh. Vì sao ngày nay chúng ta vẫn khổ sở, xã hội động loạn như thế, đây là chiến bại, bề ngoài là thắng lợi, chứ trên tinh thần đã xong hết cả rồi, chúng ta chớ nên không biết nguyên nhân ấy! Do vậy, tôi đã nghĩ học Phật thì phải tìm lại sự vun bồi căn bản giáo dục ấy. Dùng gì để vun bồi? Dùng ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, mọi người đã sơ sót những điều này. Căn bản của Nho là Đệ Tử Quy, căn bản của Đạo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, căn bản của Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu ba căn bản này đã được dạy dỗ tốt đẹp từ nhỏ, thì Sa Di Luật Nghi rất dễ dàng, vì mỗi điều đã nói trong Thập Thiện Nghiệp đã đều có thể làm được. Lúc ấy mới khiến cho chúng tôi nghĩ ra vì sao người thuở trước học Phật dễ thành tựu như vậy mà hiện thời không được, hiện thời vun bồi căn bản giáo dục do ai dạy? TV dạy! Học sinh lên lớp học theo Internet. Dạy gì? Dạy bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối! Căn bản để học Phật của quý vị được vun bồi bằng bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, làm sao quý vị học Phật tốt đẹp cho được? Xã hội làm sao yên ổn cho được? Có thể nào chẳng xảy ra tai nạn? Toàn bộ vấn đề đã được bộc lộ, chúng ta thấy rõ ràng, rành rẽ. Vì thế, nhiều năm qua, chúng tôi cực lực đề xướng phải học ba căn bản, nhằm học bù đắp những chỗ sai sót. Học Phật là học từ đâu? Học từ Đệ Tử Quy, không làm được Đệ Tử Quy thì quý vị học Phật một trăm năm, hay ba trăm năm đều vô dụng, thiếu căn bản! Nếu làm được Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ chẳng có vấn đề. Quý vị không vun bồi cội rễ ở chỗ này, đúng là [học Phật] ba trăm năm, tôi đã bắt quá là trở thành học giả mà thôi. Tôi đã là giống như tôi đã thấy tại nước Anh, những nhà Hán học, những vị giáo sư lừng danh, hoặc những người giống như họ, chẳng thể thật sự thụ dụng Phật pháp, những lợi ích trước mắt đều chẳng đạt được, sức khỏe, trường thọ, phiền não nhẹ bớt, trí huệ tăng trưởng, đó là những gì [lẽ ra] quý vị phải đạt được trong hiện tiền, nhưng quý vị vẫn lăm phiền não, thiếu trí huệ, còn làm sao được nữa? Sai lầm rồi! Sai lầm do coi nhẹ căn bản. Vun bồi căn bản giáo dục trọng yếu lắm; may sao là trong mấy năm nay, trong nước đã dần dần coi trọng Đệ Tử Quy, dần dần cũng coi trọng Cảm Ứng Thiên, tốt lắm! Quốc gia, dân tộc vẫn còn có tiền đồ.

Trong phần trước, chúng ta đã nói tới sự trọng yếu của Phật; Phật là phước báo bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian. Quý vị chẳng học Phật sẽ không tu phước. Chẳng tu phước sẽ chẳng có phước báo, thiếu phước báo sẽ khổ sở. Đại phú đại quý trong thế gian này là do tu từ đâu? Đời quá khứ đã tu trong Phật môn, trong Phật môn có thể tu cái nhân đại phú đại quý, cảm được quả báo phú quý. Hiện tại, hưởng phú quý, nhưng chẳng tu nữa, phước báo sẽ hưởng hết rất nhanh. Sau khi hưởng hết, khổ nạn sẽ hiện tiền. Đây là đạo lý nhất định, chớ nên không biết. Vì thế, sau khi vun bồi tốt đẹp ba căn bản, quý vị lại khéo học Phật, phước huệ song tu, tiền đồ sẽ tốt đẹp vô lượng, có sao chẳng làm? Bởi lẽ, nhà Phật tu hành là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, thanh tịnh là Chánh Giác, bình đẳng là Chánh Đẳng Chánh Giác, sau đây là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong giáo pháp Đại Thừa, từ trong kinh điển, chúng ta thường đọc thấy A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tức là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Do vậy, tu thanh tịnh như thế nào? Chẳng chấp trước, đoạn Kiến Tư phiền não là thanh tịnh. Chẳng phân biệt, đoạn Trần Sa phiền não bèn bình

đăng. Không khởi tâm, chẳng động niệm, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác liền hiện tiền, đạt được quả báo Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm. “*Trang Nghiêm*” có ý nghĩa vô cùng rộng! Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thảy đều hàm nhiếp trong ấy. Đây là nói đại lược về tựa đề bộ kinh này.

Tôi nói kiểu này đơn giản, dễ hiểu, dễ lãnh hội, quý vị mới biết nội dung giáo học trong bộ kinh này phong phú khôn sánh, thật sự giúp chúng ta giải quyết hết thảy vấn đề. Bất cứ một nghề nghiệp nào trong xã hội nảy sinh vấn đề, đều có thể tìm được lời giải quyết trong đây. Về chánh trị, cũng chẳng phải là ngoại lệ, đều có thể giúp quý vị giải quyết những chỗ nảy sinh vấn đề. Có sao quý vị chẳng học? Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!